

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/DS-ST
Ngày 25-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội, vay tài
sản

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Mỹ Lil
- Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Bà Phạm Hồng C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.
- Ông Ngô Văn L, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thúy N, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp R, xã K, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Hồng C, ông Ngô Văn L thống nhất trình bày: Ông bà là chủ hội, bà Hồ Thúy N là hội viên, bà N nợ ông bà tiền hội cụ thể sau:

1. Dây hội mở ngày 29/7/2018, loại 5.000.000 đồng, có 16 phần hội (chân hội), sáu tháng khai hội một lần, bị đơn tham gia 01 phần, hót kỳ hội thứ 03 và tiếp tục đóng hội chết nhưng chưa đóng đủ đến mãn hội, còn nợ lại 04 kỳ. Dây hội hiện đã mãn, số tiền yêu cầu là 04 kỳ x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 25/7/2018 (dây 1), loại 5.000.000 đồng, có 13 phần hụi, sáu tháng khui hụi một lần, bị đơn tham gia 01 phần, hốt kỳ hụi thứ 07 và tiếp tục đóng hụi chết nhưng chưa đóng đủ đến mãn hụi, còn nợ lại 03 kỳ. Dây hụi đã mãn, số tiền yêu cầu là $03 \text{ kỳ} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng}$.

3. Dây hụi mở ngày 25/7/2018 (dây 2), loại 5.000.000 đồng, có 13 phần hụi, sáu tháng khui hụi một lần, bị đơn tham gia 01 phần, hốt kỳ hụi thứ 07 và tiếp tục đóng hụi chết nhưng chưa đóng đủ đến mãn hụi, còn nợ lại 03 kỳ. Dây hụi đã mãn, số tiền yêu cầu là $03 \text{ kỳ} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 15.000.000 \text{ đồng}$.

4. Dây hụi mở ngày 15/9/2020, loại 5.000.000 đồng, có 32 phần hụi, mỗi tháng khui hụi một lần, bị đơn tham gia 02 phần, đã hốt hụi xong, đóng hụi chết nhưng không đầy đủ, chung hụi thứ nhất hốt kỳ thứ 3, chung hụi thứ hai hốt kỳ thứ 4, hiện mỗi chung còn nợ lại 23 kỳ. Dây hụi đã mãn, số tiền yêu cầu là $23 \text{ kỳ} \times 5.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ chung} = 230.000.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được 2.000.000 đồng nên hiện còn nợ lại 228.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ ông bà yêu cầu đối với các dây hụi là $228.000.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng} + 15.000.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} = 278.000.000 \text{ đồng}$.

Ngày 20/02/2020 bà N có vay của bà số tiền là 50.000.000 đồng, việc vay mượn có sự chứng kiến của người khác, hiện nay vẫn chưa thanh toán số tiền này, bà yêu cầu bà N trả số tiền vay, không yêu cầu lãi.

Bà C ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả số tiền nợ hụi 278.000.000 đồng, nợ vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra còn đề nghị về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Hồng C, ông Ngô Văn L khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ hoạt động hụi nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Hồ Thúy N cư trú tại xã K, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn Hồ Thúy N vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà C, ông L cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà C, ông L cho rằng bà N có nợ của mình số tiền là 328.000.000 đồng trong đó bao gồm nợ vay 50.000.000 đồng và nợ hụi 278.000.000 đồng. Mặc dù bà N không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nhưng theo danh sách hụi viên và các hợp đồng giao hụi có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn xuất trình thì bà N có ký xác nhận vào biên nhận. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22 tháng 7 năm 2025 toà ghi nhận ý kiến trình bày của ông bà Trần Thu L1, Bùi Tuyết M, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Vũ N1, Ngô Thị G là những người tham gia cùng các dây hụi với bà Nguyễn do nguyên đơn làm chủ hụi. Ý kiến trình bày của những người này đều thống nhất với thông tin chung hụi và dây hụi như nguyên đơn trình bày và hiện bà N vẫn còn nợ lại tiền hụi chết đối với nguyên đơn. Như vậy việc bà C, ông L khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nợ hụi là có căn cứ nên áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường, buộc bà N trả số tiền nợ hụi là 278.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đối với yêu cầu trả nợ vay, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tiền nguyên đơn cho rằng đã cho bị đơn mượn, hiện chưa thanh toán. Việc vay mượn tiền được bà Trần Thị L2 là người được bà C1 hỏi mượn tiền để giao lại cho bà N, số tiền này bà L2 xác định bà trực tiếp giao cho bà C1 30.000.000 đồng và phần còn lại chính bà N liên hệ và trực tiếp nhận từ bà là 20.000.000 đồng nên đối với việc vay nợ này giữa bà C1 và bà N thì bà hoàn toàn chứng kiến, hiện nay bà N vẫn chưa thanh toán cho bà C1 số tiền trên. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà N có vay của bà C1 50.000.000 đồng, áp dụng khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự, buộc bà N trả cho bà C1, ông L toàn bộ số tiền trên. Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu $328.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.400.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 470, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hồ Thúy N trả cho bà Phạm Hồng C, ông Ngô Văn L số tiền 328.000.000 (ba trăm hai mươi tám triệu đồng) đồng; trong đó bao gồm 278.000.000 (hai trăm bảy mươi tám triệu) đồng nợ hội và 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nợ vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Hồ Thúy N phải chịu 16.400.000 (mười sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà Phạm Hồng C, ông Ngô Văn L số tiền là 8.200.000 (tám triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005600 ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp